ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1088 /KH-UBND	*Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2017*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Bắc Giang giai đoạn 2017-2020

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;

Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 80/NQ- CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Căn cứ thực tiễn

Thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn tỉnh, kết quả tại thời điểm 01/10/2015: Toàn tỉnh có 60.745 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,93% và 35.724 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,19%. Qua rà soát thống kê lại tại thời điểm 01/10/2016, toàn tỉnh còn 51.794 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,72%, giảm so với năm 2015 là 2,21% và 37.054

CHỮ KÝ SỐ CQNN TỈNH BẮC GIANG
Ủy ban Nhân dân tỉnh
Ngày: 17/04/2017 16:19:59
Tỉnh Bắc Giang

hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,39%; trong đó có 17.787 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 34,34%; 8.251 hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội, chiếm tỷ lệ 15,93%; 312 hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách là người có công với cách mạng. Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là huyện Sơn Động 46,22%; Lục Nam 17,77%; Lục Ngạn 17,60%, Yên Thế 17,50%, thấp nhất là thành phố Bắc Giang 1,08%. Toàn tỉnh có 21 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% và 17 đơn vị cấp xã tỷ lệ hộ nghèo dưới 2%.

Kết quả đánh giá chỉ tiêu về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo:

- Thiếu hụt về tiếp cận dịch vụ y tế: 3.074 hộ = 5,93%;
- Thiếu hụt BHYT: 21.524 hộ = 41,55%;
- Thiếu hụt về chỉ số trình độ giáo dục của người lớn: 3.283 hộ = 6,33%;
- Thiếu hụt về chỉ số tình trạng đi học của trẻ em: 1.906 hộ = 3,67%;
- Thiếu hụt về chỉ số chất lượng nhà ở: 15.034 hộ = 29,02%;
- Thiếu hụt về diện tích nhà ở: 13.726 hộ = 26,50%;
- Thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt: 8.443 hộ = 16,30%:
- Thiếu hụt về Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 19.283 = 37,23%;
- Thiếu hụt về sử dụng dịch vụ viễn thông: 8.908 hộ = 17,19%;
- Thiếu hụt về tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 3.399 hộ = 6,56%.

II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả nội dung Nghị quyết số 80/NQ- CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, gắn với Chương trình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, miền núi, kinh tế hộ gia đình, dịch vụ ngành nghề, giải quyết việc làm; thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững và tiến bộ công bằng xã hội.

2. Yêu cầu

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị để triển khai, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo bền vững; đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng trong tỉnh, bảo vệ môi trường, thực hiện công bằng xã hội...

- Duy trì bảo đảm tính bền vững của chương trình; thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, huyện nghèo, xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thực hiện giảm nghèo bền vững; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Lồng ghép thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn lực khác; nâng cao trách nhiệm đồng thời động viên, khuyến khích người nghèo, xã nghèo tăng cường phát huy nội lực, có ý chí tự vươn lên thoát nghèo.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực để giảm nghèo nhanh và bền vững, sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả. Cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đóng vai trò chủ đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động về giảm nghèo; Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, cộng đồng xã hội và bản thân người nghèo tham gia thực hiện tích cực, đây là nhân tố quyết định sự thắng lợi việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững.

- Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận, sử dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ và các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao trình độ dân trí cho người nghèo.

- Từng địa phương cấp huyện, cấp xã phải xây dựng được kế hoạch giảm nghèo sát với thực tế; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai, dân chủ và đảm bảo tiết kiệm trong quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn các vùng nghèo; tạo môi trường và điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản về: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin để tự lực vượt nghèo; thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2020

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân của tỉnh 2%/năm, các xã đặc biệt khó khăn 4%/năm. Phấn đấu đến cuối năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 4% và hết năm 2018 không còn hộ nghèo là gia đình người có công với cách mạng *(có bảng tổng hợp kế hoạch giảm nghèo đính kèm).*

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách về giảm nghèo để cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của người nghèo; tăng khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo;

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt...; tạo điều kiện để người dân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình giảm nghèo để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm công nhằm phát huy hiệu quả các công trình được đầu tư, góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện tiếp cận thị trường.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2020

3.1 Cải thiện sinh kế, tăng thu nhập để nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số nhất là ở huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Phấn đấu đến hết năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 35.000 hộ nghèo thoát nghèo so với kết quả điều tra tại thời điểm 01/10/2015.

3.2 Đảm bảo hộ nghèo/người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản trước hết về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:

- 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế;
- 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ hoặc được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế;
- Trên 90% số trường học đạt chuẩn về quốc gia;
- Trên 98% trẻ em trong độ tuổi quy định được huy động đến trường đi học; trong đó không có trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không được đến trường do nguyên nhân về kinh tế;
- 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định;
- Trên 90% dân số thành thị được sử dụng nước sạch và trên 95% dân số ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;
- Trên 75% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, trước hết ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có thiếu hụt về chỉ số nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường;
- 100% hộ nghèo có nhu cầu và đăng ký vay vốn làm nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để làm nhà ở;
- 100% Đài truyền thanh của các huyện, thành phố sản xuất, biên tập, phát hành, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình, ấn phẩm truyền thông, nhằm tuyên truyền chủ trương chính sách giảm nghèo của Đảng, nhà nước đến người dân;
- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội;

- 100% người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm;

- 100% người nghèo, người dân tộc thiểu số có nhu cầu trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý miễn phí;

- 100% đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo được trợ giúp, trợ cấp xã hội theo quy định của nhà nước;

- 100% cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã, cán bộ đoàn thể tham gia công tác giảm nghèo; trưởng thôn, bản, tổ dân phố được tập huấn về: kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân; phát triển cộng đồng.

3.3 Tạo bước chuyển biến rõ rệt về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, nước sinh hoạt.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo;

- Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện

- Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho huyện nghèo, xã nghèo *(xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu)* và thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020.

V. NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢM NGHÈO

1. Thực hiện giảm nghèo về thu nhập, nâng cao đời sống vật chất của người dân phấn đấu mỗi năm giảm bình quân 2% hộ nghèo

1.1 Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

- Triển khai thực hiện tốt Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. Thực hiện đầy đủ chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người có đất thu hồi để phục vụ cho các công trình phát triển kinh tế- xã hội;

- Nâng cao chất lượng dạy nghề; nhân rộng các mô hình dạy nghề có địa chỉ; dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người nghèo. Tạo điều kiện để người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động, tiếp cận việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Thực hiện tốt việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động; phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp có năng lực, uy tín tổ chức tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động.

1.2 Tín dụng ưu đãi cho người nghèo

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số vùng khó khăn... theo các chính sách của nhà nước, địa phương và các chương trình tín dụng ưu đãi khác. Gắn vay vốn tạo việc làm tại chỗ với hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất. Đề xuất với Trung ương cải cách để đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ giúp các đối tượng được tiếp cận tốt hơn với nguồn vốn tín dụng.

1.3 Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nhằm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương; tạo sự chuyển biến nhanh hơn về thu nhập và đời sống cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất hiệu quả; nội dung thực hiện gồm:

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế cho 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh theo Nghị Quyết số 34/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và giảm nghèo bền vững đối với 36 thôn, bản ĐBKK giai đoạn 2016-2020;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động; các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn và trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cho vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng an toàn khu theo các chính sách đặc thù của nhà nước và của tỉnh.

2. Hỗ trợ cho người nghèo được tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản để giảm nghèo bền vững

2.1 Hỗ trợ về y tế

- Nội dung:

+ Đảm bảo 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ hoặc được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế;

+ Từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả khám chữa bệnh ở các tuyến y tế đặc biệt là tuyến y tế cơ sở; ưu tiên đầu tư trạm y tế ở các xã nghèo, xã ĐBKK, xã an toàn khu đạt chuẩn quốc gia về y tế;

+ Duy trì thực hiện tốt hoạt động Quỹ khám chữa bệnh người nghèo tỉnh, hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mắc các bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo phải điều trị nội trú từ bệnh viện tuyến huyện trở lên.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xác nhận danh sách nhóm đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế thuộc ngành quản lý theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế;

+Sở Y tế chủ trì thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách; triển khai thực hiện hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo trong hợp phần dự án NORRED;

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác lập danh sách mua thẻ BHYT, tổ chức in thẻ, cấp thẻ BHYT cho đối tượng theo quy định;

+ Các sở, ngành liên quan theo chức năng phối hợp tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2.2 Hỗ trợ về giáo dục đào tạo

- Nội dung:

+ Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học trên địa bàn tỉnh;

+ Đảm bảo việc tiếp cận giáo dục đào tạo của người nghèo, cận nghèo, người dân ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn;

+ Thực đầy đủ các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh thuộc hộ nghèo, vùng có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn; học sinh mồ côi cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị khuyết tật có khó khăn về kinh tế...

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – TBXH và các sở, ngành liên quan, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

2.3 Hỗ trợ về nhà ở

- Nội dung: Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm, phấn đấu

thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo kế hoạch đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, tổ chức, triển khai hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các đơn vị, doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình hỗ trợ, cải thiện nhà ở cho hộ nghèo của tỉnh.

2.4 Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Nội dung:

+ Tăng cường công tác thông tin, giáo dục, truyền thông để thay đổi hành vi sử dụng nước sinh hoạt và vệ sinh của người dân.

+ Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Phấn đấu đến cuối năm 2020 có trên 90% dân số thành thị được sử dụng nước sạch và trên 95% dân số ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

*- Phân công thực hiện:*Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

2.5 Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin

- Nội dung:

+ Tiếp tục triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo các trạm thu, phát sóng phát thanh truyền hình, phát triển mạng viễn thông ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện để người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ thông tin, các chế độ chính sách, thông tin về khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất... sử dụng các thiết bị viễn thông, phát thanh truyền hình giúp họ hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận với các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

+ Tổ chức thực hiện tốt đưa chương trình văn hóa thông tin lưu động về cơ sở, đa dạng hóa các hoạt động thông tin, tuyên truyền để người được tiếp cận với các hoạt động văn hóa; phổ biến các gương thoát nghèo điển hình, mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

+ Đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông tại cơ sở. Hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo ở xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- *Phân công thực hiện:* Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được bố trí theo kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các nguồn huy động khác bao gồm:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020: 483.602 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: Hằng năm bố trí ngân sách thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh và hỗ trợ thêm cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thực hiện đạt hiệu quả.

- Ngân sách các địa phương: Bố trí ngân sách cho kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo của địa phương.

- Các nguồn lực xã hội hóa khác, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội triển khai trên địa bàn.

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về mục tiêu giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và trong các tầng lớp nhân dân về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần tạo được sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Khơi dạy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sự dụng hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng; thực hiện phong trào thi đua *"Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau".*

- Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của gia đình, của cộng đồng vào công tác giảm nghèo và an sinh xã hội, vận động người nghèo vươn lên thoát nghèo là chính.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình

- Bố trí vốn và cấp vốn kịp thời thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định. Lồng ghép và thực hiện có hiệu quả nguồn lực với chương

trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, các chương trình, dự án sử dụng trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các chương trình khác hướng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững; tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các xã nghèo để đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở các địa bàn này.

- Hàng năm các cấp chủ động có kế hoạch bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực khác để tập trung đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo. Chú trọng tổ chức thực hiện tốt các phong trào vận động quần chúng giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế gia đình.

- Tăng cường việc xúc tiến, kêu gọi đầu tư, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vốn, công nghệ sản xuất phù hợp vào các khu vực miền núi, vùng cao của tỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng này.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án về giảm nghèo

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên người nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua chính sách giảm nghèo hiện hành và Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tập trung vào 03 nhóm chính sách: Hỗ trợ phát triển sản xuất; nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ gắn với tiêu chí nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin; phát triển cơ sở hạ tầng các vùng khó khăn, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao.

4. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu tại huyện Sơn Động và các xã nghèo (xã ĐBKK, xã ATK), thôn, bản ĐBKK vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Đầu tư tập trung nguồn lực, triển khai thực hiện tốt các dự án:

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho 36 thôn, bản ĐBKK nhất tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho 16 xã ATK của huyện Hiệp Hòa;

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo Sơn Động theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (*Dự án 1: Chương trình 30a theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ).*

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn *(Dự án 2: Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).*

5. Tiếp tục phát huy quyền tự chủ và tham gia của nhân dân

Cấp ủy, chính quyền các cấp lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh công cuộc giảm nghèo là nhiệm vụ trung tâm; tăng cường sự tham gia của người dân vào mọi hoạt động của chương trình; gắn kết thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường phân cấp tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành, quản lý các hoạt động của Chương trình. Phát huy quyền làm chủ, khả năng sáng tạo của nhân dân tham gia thực hiện giảm nghèo, từ việc xác định đối tượng thụ hưởng chính sách đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện ở xã, thôn, bản; quản lý nguồn vốn; kiểm tra, giám sát và đánh giá. Thông tin đầy đủ tới người dân các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo; tổ chức cho nhân dân tham gia các hoạt động, bảo đảm tính công khai, dân chủ và minh bạch. Động viên mọi người dân phát huy nội lực, tự lực, tự cường vươn lên làm giàu chính đáng.

6. Xã hội hoá công tác giảm nghèo

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá việc các hoạt động giảm nghèo bằng mọi nguồn lực khác có thể huy động được trên địa bàn; lồng ghép các Chương trình phát triển kinh tế- xã hội, giảm nghèo, xây dựng làng văn hoá; khuyến khích các hoạt động tự nguyện, nhân đạo vì người nghèo.

- Tiếp tục phân công các Sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn thực hiện các mục tiêu về giảm nghèo; đặc biệt là phát huy sức mạnh giúp dân về xóa đói giảm nghèo của các doanh nghiệp, lực lượng quân đội đóng quân trên địa bàn.

7. Quản lý điều hành, thực hiện chương trình

7.1 Tăng cường quản lý nhà nước

- Các cấp chủ động xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

- Các cơ quan chủ trì thực hiện các chính sách, dự án, hoạt động của chương trình phải xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện chính sách, dự án để làm cơ sở phân bổ nguồn lực và triển khai thực hiện. Chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình; kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Hàng năm tổ chức điều tra, rà soát danh sách, số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ về giảm nghèo của nhà nước.

7.2 Thành lập bộ máy chỉ đạo điều hành Chương trình

Thành lập Ban chỉ đạo điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 ở 3 cấp: Tỉnh, huyện, xã, cơ quan Thường trực, bộ phận giúp việc theo quy định của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương.

7.3 Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể

- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên như: Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh...tham gia thực hiện chương trình. Tiếp tục thực hiện quỹ *"Ngày vì người nghèo"*, xây dựng và củng cố *"Tổ tiết kiệm – tín dụng"*, *"Tổ tương trợ"* quỹ tín dụng cho người nghèo, người có thu nhập thấp; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

- Mặt trận tổ quốc chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện tốt giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo theo quy định.

8. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

- Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp;

- Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn;

- Tổ chức đối thoại chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo.

9. Hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình

- Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

- Nâng cao năng lực vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo ở cấp tỉnh, huyện và xã;

- Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình của các cấp.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Ban ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện các dự án hợp phần của Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các đơn vị và các huyện, thành phố thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện Dự án 1: Chương trình 30a và Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình *(theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).*

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì rà soát, trình UBND tỉnh danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình;

- Chủ trì thực hiện Dự án 2: Chương trình 135 *(theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).*

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì thực hiện Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 *(theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)*, trong đó:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp chỉ đạo hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế;

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp chỉ đạo hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì thực hiện Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, *(theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ),* trong đó:

+ Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động giảm nghèo về thông tin;

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý chương trình giảm nghèo; kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện cơ chế quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia của ngành, địa phương gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì thẩm định, bố trí vốn sự nghiệp của Chương trình;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chương trình theo quy định của Nhà nước; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình

7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý;

- Các sở, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 80/NQ-CP chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của Sở, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin trong Chương trình, nhằm tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng cuộc vận động ***"Ngày vì người nghèo"***. Tăng cường các biện pháp vận động xây dựng và phát huy hiệu quả nguồn ***"Quỹ vì người nghèo"*** các cấp để hỗ trợ hộ nghèo xây dựng sửa chữa nhà ở, trợ cấp khó khăn...cho hộ nghèo, người nghèo.

- Vận động các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các hộ khá, hộ giàu nhận giúp đỡ các hộ nghèo; tích cực giúp đỡ những hội viên nghèo, yếu thế của tổ chức mình trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo của tỉnh.

- Tổ chức giám sát việc triển khai Chương trình nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách hộ nghèo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên danh sách hộ nghèo để có những đề xuất kịp thời và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương;

- Chủ động tổ chức thực hiện các chính sách và nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện;

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

10. Các cơ quan truyền thông của tỉnh

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng mục tiêu của chương trình giảm nghèo; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả về giảm nghèo; kết quả hoạt động của chương trình ở các địa phương; phổ biến các chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh có liên quan đến Chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 – 2020; các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng *(trước ngày 30/6)* và hàng năm *(trước ngày 10/12)* báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Lao động-TB&XH để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động-TB&XH. Quá trình thực hiện có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Lao động-TB&XH;
- Lưu: VT, KG-VX.

Bản điện tử:
- Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh, TTXVN tại BG;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TTTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Dương

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Kế hoạch số 1088/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Đơn vị	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ %
1	TP Bắc Giang	39.664	538	1,36	40.530	438	1,08	41.100	362	0,88	41.670	285	0,68	42.240	220	0,52	42.810	200	0,47
2	Tân Yên	48.065	3.699	7,70	48.444	3.160	6,52	48.950	2.640	5,39	49.456	1.980	4,00	49.962	1.468	2,94	50.468	850	1,68
3	Việt Yên	45.030	3.790	8,42	45.177	3.042	6,73	45.450	2.495	5,49	45.723	1.850	4,05	45.996	1.365	2,97	46.269	790	1,71
4	Lạng Giang	54.468	4.893	8,98	55.268	4.131	7,47	55.870	3.356	6,01	56.472	2.490	4,41	57.074	1.750	3,07	57.676	1.050	1,82
5	Hiệp Hòa	55.223	5.113	9,26	55.913	4.287	7,67	56.450	3.477	6,16	56.987	2.540	4,46	57.524	1.780	3,09	58.061	1.110	1,91
6	Yên Dũng	36.387	4.042	11,11	36.934	3.016	8,17	37.320	2.355	6,31	37.706	1.730	4,59	38.092	1.189	3,12	38.478	810	2,11
7	Yên Thế	29.956	6.238	20,82	30.182	5.281	17,50	30.680	4.382	14,28	31.178	3.510	11,26	31.676	2.450	7,73	32.174	1.290	4,01
8	Lục Ngạn	51.852	10.887	21,00	52.960	9.319	17,60	53.870	7.714	14,32	54.780	6.190	11,30	55.690	4.360	7,83	56.600	2.380	4,20
9	Lục Nam	56.400	11.880	21,06	56.944	10.121	17,77	57.450	8.277	14,41	57.956	6.590	11,37	58.462	4.590	7,85	58.968	2.540	4,31
10	Sơn Động	19.023	9.665	50,81	19.470	8.999	46,22	20.050	8.428	42,03	20.632	7.760	37,61	21.214	7.005	33,02	21.796	6.200	28,45
	Tổng cộng	**436.068**	**60.745**	**13,93**	**441.822**	**51.794**	**11,72**	**447190**	**43.486**	**9,72**	**452.560**	**34.925**	**7,72**	**457.930**	**26.177**	**5,72**	**463.300**	**17.220**	**3,72**

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Các chính sách, dự án, hoạt động trong Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2017-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 1088 /KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Nhóm CS	STT	Tên chính sách, dự án	Cơ quan chủ trì chính sách, dự án	Nội dung thực hiện chính sách, dự án	Cơ quan thực hiện chính sách, dự án	Cơ quan phối hợp thực hiện chính sách, dự án
I. Chính sách giảm nghèo chung	1	Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo	Sở LĐ-TB&XH	Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo	Sở LĐ-TB&XH	Sở GD&ĐT, Sở NN&PTNT, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố
	2	Chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo	Ngân hàng CSXH	Hỗ trợ cho các đối tượng được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ, tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay tín dụng.	Ngân hàng CSXH	Các ngành, đoàn thể nhân dân, UBND các huyện, thành phố
	3	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo	Sở NN&PTNT	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho người nghèo.	Sở NN&PTNT	Ban Dân tộc tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện.
				- Nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả.	Sở LĐ-TB&XH	
	4	Chính sách hỗ trợ về y tế	Sở Y tế	Hỗ trợ cho người nghèo, người cận nghèo…tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ về y tế.	Sở Y tế, Sở LĐ-TB&XH, BHXH tỉnh.	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, TP.
	5	Chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo	Sở GD&ĐT	Hỗ trợ cho người nghèo, người cận nghèo, người dân ở vùng ĐBKK...tiếp cận và sử dụng hiệu quả các chính sách về GDĐT theo quy định.	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố.

	6	Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo	Sở Xây dựng	Thực hiện hỗ trợ nhà ở theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Xây dựng	- Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố - UBMTTQ, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội...
	7	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường	Sở NN&PTNT	Hỗ trợ người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường	Sở NN&PTNT	Sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố
	8	Chính sách hỗ trợ giảm nghèo về thông tin	Sở TT&TT	Hỗ trợ người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ về thông tin truyền thông	Sở TT&TT	Sở LĐ-TB&XH và Sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố
	9	Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	Hỗ trợ cho người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	Cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố
	10	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	Sở Tài chính	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng CP	Sở Tài chính	Sở LĐ-TB&XH, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố
	11	Chính sách bảo trợ xã hội	Sở LĐ-TB&XH	Thực hiện chính sách BTXH theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ	Sở LĐ-TB&XH	Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
II. Các chính sách hỗ trợ đặc thù	1	Chính sách đặc thù hỗ trợ cho 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh theo Nghị Quyết số 34/2015/NQ-HĐND	Ban Dân tộc tỉnh	Hỗ trợ cho 36 thôn bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh theo Nghị Quyết số 34/2015/NQ-HĐND	Ban Dân tộc tỉnh	Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện thuộc chương trình.
	2	Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội 16 xã vùng căn cứ cách mạng ATK huyện Hiệp Hoà	Ban Dân tộc	Phát triển kinh tế - xã hội 16 xã vùng căn cứ cách mạng ATK huyện Hiệp Hoà	UBND huyện Hiệp Hòa	Sở LĐ-TB&XH, Sở KH&ĐT và các Sở, ngành liên quan.

III. Các dự án thành phần thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020	**1**	**Dự án 1: Chương trình 30a**	**Sở LĐ-TB&XH**			
	1.1	***Tiểu dự án 1:*** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo Sơn Động	Sở LĐ-TB&XH	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	Sở LĐ-TB&XH	Sở KH&ĐT, Sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện Sơn Động
	1.2	***Tiểu dự án 3:*** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.	Sở NN&PTNT	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện Sơn Động.
				- Nhân rộng mô hình giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	
	1.3	***Tiểu dự án 4:*** Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Sở LĐ-TB&XH	Hỗ trợ cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Sở LĐ-TB&XH	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện Sơn Động.
	2	**Dự án 2: Chương trình 135**	**Ban Dân tộc**			
	2.1	***Tiểu dự án 1*** : Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Ban Dân tộc	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện tổ chức thực hiện Dự án
	2.2	***Tiểu dự án 2:*** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Sở NN&PTNT	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Sở NN&PTNT	Ban Dân tộc, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện.
				- Nhân rộng mô hình giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	
	2.3	***Tiểu dự án 3:*** Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.	Ban Dân tộc	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở	Ban Dân tộc	Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện.
	3	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135**	Sở NN&PTNT	- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố.
				- Nhân rộng mô hình giảm nghèo	Sở LĐ-TB&XH	